TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Thành;

2. Ông Trần Minh An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1989. (có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân T quen biết và tiến tới hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 24-6-2006, giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng tại thôn P, xã P, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đầu năm 2021 thì vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, đá gà và cá độ đá bóng dẫn đến nợ nần rất nhiều. Bà đã nhiều lần trả nợ cho ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi, nợ ngày càng nhiều, Bà không có khả năng trả nợ nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn là vợ chồng Bà đã không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng đã ly thân được hơn 4 năm nay. Vợ chồng không thể hoà giải được, nay nhận thấy bất mãn, bế tắc trong cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Bà yêu cầu Toà án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông T.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 29-3-2005 và Nguyễn Xuân A, sinh ngày: 11-12-2013. Cháu T đã trưởng thành nên Bà không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Xuân A, sinh ngày: 11-12-2013 và không yêu cầu ông Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà B làm buôn bán, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Ông T làm thợ hồ, thu nhập bao nhiêu thì Bà không biết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Xuân T nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà B trình bày từ đầu năm 2021 thì vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, đá gà và cá độ đá bóng dẫn đến nợ nần rất nhiều. Bà đã nhiều lần trả nợ cho ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi, nợ ngày càng nhiều, Bà không có khả năng trả nợ nữa. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay. Lời trình bày của bà B là phù hợp với nội dung Biên bản xác minh ngày 21/5/2025 tại Ban quản lý thôn P: *"vợ chồng bà B và ông T quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T cờ bạc, cá độ đá banh dẫn đến nợ nần nhiều…. vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho tới nay…."*

Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...."*. Tuy nhiên, quá trình chung sống, giữa bà B và ông T đã phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng không còn chung sống với nhau trong thời gian dài; không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc nhau.

Bản thân ông Nguyễn Xuân T mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông không có thiện chí và nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà B và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

[2.2] Về quan hệ con cái: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 29-3-2005 (đã trưởng thành, lao động tự túc được) và Nguyễn Xuân A, sinh ngày: 11-12-2013. Bà B có nguyện vọng được nuôi cháu A và không yêu cầu ông Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu A sống cùng bà B; được chăm sóc, giáo dục chu đáo, có cuộc sống ổn định và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bà B. Hiện bà B có việc làm ổn định với mức thu nhập cố định 7.000.000 đồng mỗi tháng nên Hội đồng xét xử thấy rằng, để đảm bảo cuộc sống cháu A không bị xáo trộn, sau khi cân nhắc quyền lợi của cháu về mọi mặt, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Xuân A cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không yêu cầu nên ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân A, sinh ngày 11-12-2013 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Ông Nguyễn Xuân T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 19 ngày 15-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Ninh Hải;
- Chi cục THADS H. Ninh Hải;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã P (Giấy ĐKKH số: 24, quyển số: 01/2006 ngày 24-6-2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Phát